

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2022/DS-ST**

Ngày: 22-7-2022.

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Tùng

2. Bà Linh Thị N Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 22/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2021/TLST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2022/QĐST-DS ngày 30/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hồng N, sinh năm 1951, vắng mặt.

Địa chỉ: Khu 2, ấp Thọ Lộc, xã Xuân Thọ, huyện Xuân Lộc, Đồng Nai.

Bị đơn: Bà Phan Thị Thu T, sinh năm 1974, vắng mặt

Ông Cao Minh Th, sinh năm 1971, vắng mặt

Cùng địa chỉ: khu 3, ấp Thọ Lộc, xã Xuân Thọ, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Việt H, sinh năm 1950, vắng mặt

Địa chỉ: Khu 2, ấp Thọ Lộc, xã Xuân Thọ, huyện Xuân Lộc, Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2021, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Hồng N trình bày:

Vào năm 2017, do quen biết với bà T nên bà N cho bà T mượn 280.000.000 đồng. Năm 2020, bà N nộp đơn khởi kiện bà T yêu cầu trả số tiền trên, bà T hứa ngày 17/9/2020 sẽ trả 35.000.000 đồng, ngày 24/9/2020 sẽ trả 65.000.000 đồng. Còn lại số tiền 180.000.000 đồng trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng. Giữa hai bên có lập một văn bản thỏa thuận ngày 17/9/2020 chốt số tiền nợ là 280.000.000 đồng, Do vậy, bà

N rút đơn khởi kiện và Tòa án Xuân Lộc đã đình chỉ số 62/2020/QĐST- DS ngày 17/9/2020.

Ngày 17/9/2020, bà T trả cho bà N được 35.000.000 đồng. Ngày 12/10/2020 bà T trả được 30.000.000 đồng, tổng cộng trả được 65.000.000 đồng. Còn lại số tiền 215.000.000 đồng bà T không trả. Do vậy, bà N lại nộp đơn khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền gốc là 215.000.000 đồng. Ngày 15/5/2021, bà T trả được 2.000.000 đồng. Như vậy, tổng cộng bà T trả được cho bà N được 67.000.000 đồng. Nay bà N yêu cầu bà T trả tổng cộng số tiền 213.000.000 đồng và không yêu cầu lãi suất. Bà N không yêu cầu ông Cao Minh Th là chồng của bà T phải chịu trách nhiệm liên đới trả nợ cùng với bà T cho bà mà chỉ yêu cầu một mình bà Phan Thị Thu T trả nợ cho bà N.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại biên bản lấy lời khai, bị đơn bà Phan Thị Thu T trình bày: Năm 2017, bà T có mượn của bà N tổng cộng 280.000.000 đồng để làm ăn buôn bán heo, do buôn bán thua lỗ nên không có khả năng thanh toán cho bà N. Năm 2020, bà N làm đơn khởi kiện nên bà T có trả được cho bà N 65.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền là 215.000.000 đồng, nay bà T đồng ý trả số tiền trên cho bà N nhưng mỗi tháng sẽ trả 2.000.000 đồng bắt đầu trả từ ngày 15/5/2021. Theo bà T, số tiền nợ này không liên quan đến chồng bà là ông Cao Minh Th. Là nợ riêng của bà T.

Tòa án nhiều lần gửi giấy triệu tập ông Cao Minh Th đến Tòa án làm việc, ông Cao Minh Th đều nhận được nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Việt H trình bày: ông là chồng của bà Trần Thị Hồng N, số tiền 280.000.000 đồng là tiền của bà N cho bà T mượn, ông không biết, không liên quan gì đến ông.

Quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật: việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến nay đúng theo quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành quyền và nghĩa vụ. Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Quan điểm về giải quyết vụ án: bà T thừa nhận có vay của bà N số tiền tổng cộng 280.000.000 đồng. bà N thừa nhận bà T trả được cho bà N số tiền 67.000.000 đồng, như vậy số tiền còn lại bà N yêu cầu bà T trả là 213.000.000 đồng và không yêu cầu lãi suất. Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 357, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bà Phan Thị Thu T phải thanh toán cho bà Trần Thị Hồng N số tiền 213.000.000 đồng, do bà Trần Thị Hồng N không yêu cầu lãi suất nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Phan Thị Thu T, ông Cao Minh Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà T, ông Th vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn H hành xét xử vắng mặt bà T và ông Th là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Trần Thị Hồng N và ông Trần

Việt H có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Tòa án H hành xét xử vắng mặt bà N, ông H.

[2] Về quan hệ pháp luật: Vụ án được xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc theo quy định tại khoản 6 Điều 26 và Điều a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu các đương sự thì thấy: bà N khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị Thu T phải trả cho bà N số tiền vay 213.000.000 đồng, theo lời khai của bà Phan Thị Thu T vào ngày 15/5/2021, bà T thừa nhận có nợ của bà N 215.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền 215.000.000 đồng nhưng mỗi tháng sẽ trả cho bà N 2.000.000 đồng bắt đầu trả từ ngày 15/5/2021. Sau ngày 15/5/2021 đến nay, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần bà T đến Tòa án làm việc nhưng bà T vẫn không có mặt, theo lời khai của bà N có xác nhận bà T trả thêm cho bà N được 2.000.000 đồng, do vậy bà N yêu cầu bà T trả cho bà N số tiền 213.000.000 đồng và không yêu cầu bà T phải trả lãi suất. Xét thấy, việc bà Phan Thị Thu T có vay tiền bà N được hai bên thừa nhận, việc vay nợ này là có thật, do vậy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N buộc bà Phan Thị Thu T phải thanh toán cho bà Trần Thị Hồng N số tiền 213.000.000 đồng.

[4] Do bà N không yêu cầu bà T phải thanh toán tiền lãi nên không xem xét giải quyết.

[5] Bà Trần Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Phan Thị Thu T và ông Cao Minh Th phải thanh toán cho bà N số tiền vay. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bà N chỉ yêu cầu một mình bà Phan Thị Thu T có trách nhiệm thanh toán cho bà N số tiền vay, không yêu cầu ông Cao Minh Th phải liên đới thanh toán khoản tiền trên cho bà N. Do vậy, chỉ buộc một mình bà Phan Thị Thu T phải thanh toán khoản tiền vay cho bà Trần Thị Hồng N là phù hợp.

[6] Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

[7] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của bà N được chấp nhận, nên bà Trần Thị Thu T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 10.650.000 đồng. Bà N thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39; khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hồng N về tranh chấp hợp đồng vay tài sản

Buộc bà Phan Thị Thu T phải thanh toán cho bà Trần Thị Hồng N số tiền vay là 213.000.000 đồng (*Hai trăm mười ba triệu đồng*).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: buộc bà Phan Thị Thu T phải nộp 10.650.000 đồng (*Mười triệu, sáu trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị Hồng N thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 31/01/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND. Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND. Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND. Huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS. Huyện Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trang

